

Biểu mẫu 01

PHÒNG GD – ĐT QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 4

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	95%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	90%	99%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100%	100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	95%	95%

Tân Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Hà

Biểu mẫu 02

PHÒNG GD – ĐT QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 4

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	120		5	15	20	30	40
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	120		5	15	20	30	40
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	120		5	15	20	30	40
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	120		5	15	20	30	40
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	120		5	15	20	30	40
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường			5	15	20	30	40
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình chăm sóc giáo dục nhà trẻ							
2	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo							

Tân Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Hà

Biểu mẫu 03

**PHÒNG GD – ĐT QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 4**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	6	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	6	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	654	525
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	80/ 2 sân	20
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	368/2 sân	40
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	31,5/2 điểm	3,5
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	240/ 2 sân	120
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	55	25,5
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- 6 máy vi tính. - 1 máy ảnh kỹ thuật số.	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	6	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	1	
3	Máy phô tô	0	
5	Catsset	2	
6	Đầu Video/đầu đĩa	2	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời		
9	Bàn ghế đúng quy cách	120 bộ	Theo sĩ số cháu lớp

10	Thiết bị khác...		
----	------------------	--	--

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	3,2	3,5/lớp		3,5/lớp	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	...		

Tân Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Ngô Thị Hà

Biểu mẫu 04

PHÒNG GD – ĐT QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 4

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hình thức chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng g III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22	22								8				
I	Giáo viên	13	13		13	1	1		12	2	3	4	9		
1	Nhà trẻ	5	5												
2	Mẫu giáo	8	8												
II	Cán bộ quản lý	2	2								2	2			
1	Hiệu trưởng	1	1												
2	Phó hiệu trưởng	1	1												
III	Nhân viên	7	7												
1	Nhân viên văn thư	1	1					1					1		
2	Nhân viên kế toán	1	1			1						1			
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	5						5					2		
..	..														

Tân Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Hà

